FireAnt

CTCP Công nghệ - Viễn thông Sài Gòn (HSX: SGT)

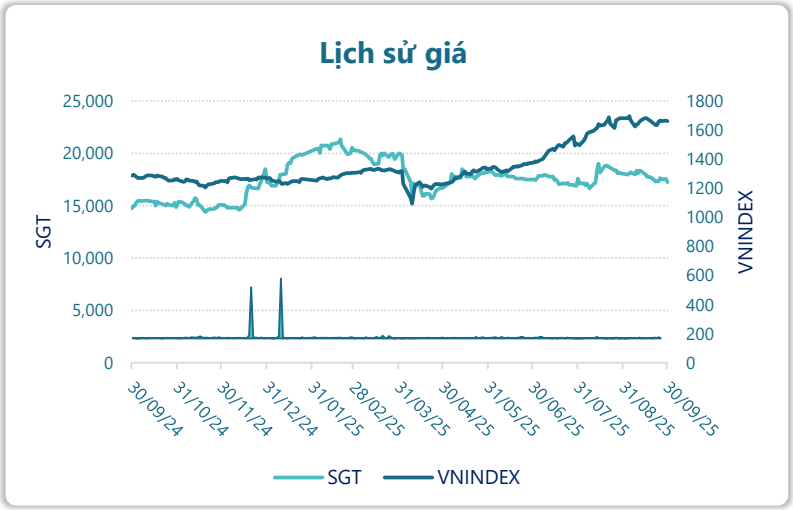

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,400
SL cổ phiếu LH	148,003,208
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,905
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,553
P/E	5.5
EPS	3,142

DT thuần

Q3/25

237

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.0| 31.1%

YoY: ▼250| -51.3%

LN sau thuế

Q3/25

2.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.32| 12.7%

YoY: ▼11.6| -80.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

19.0%

+/- YoY: ▲ 8.6%

DT thuần

9T 2025

1,285

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 438| 51.6%

LN sau thuế

9T 2025

357

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 329| 1182%

ROE

Q3/25

21.0%

+/- YoY: ▲ 18.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

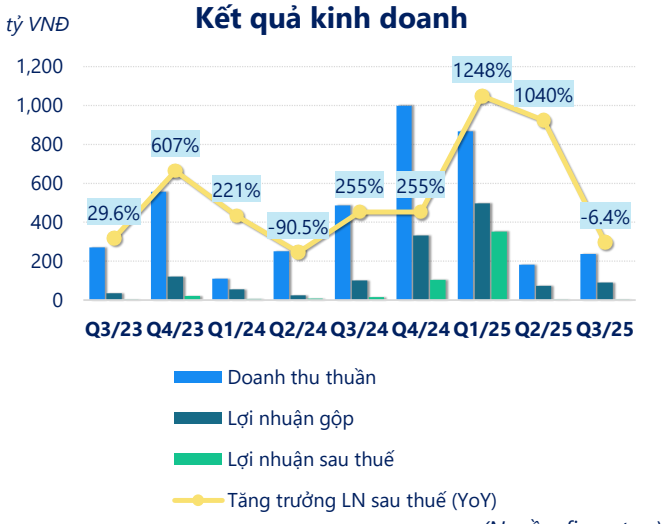

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

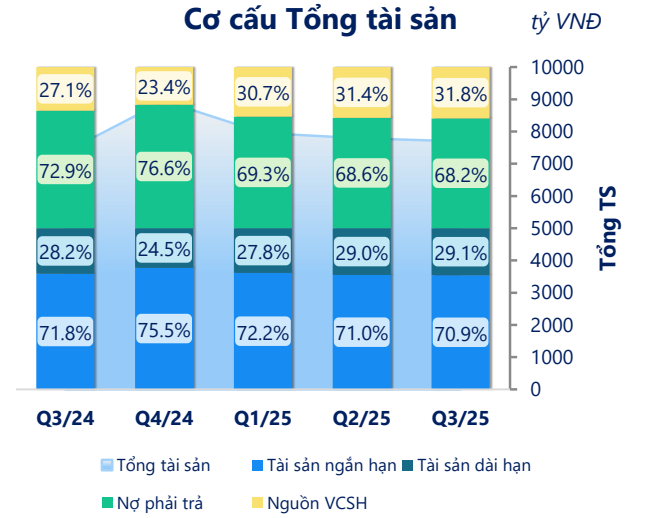

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

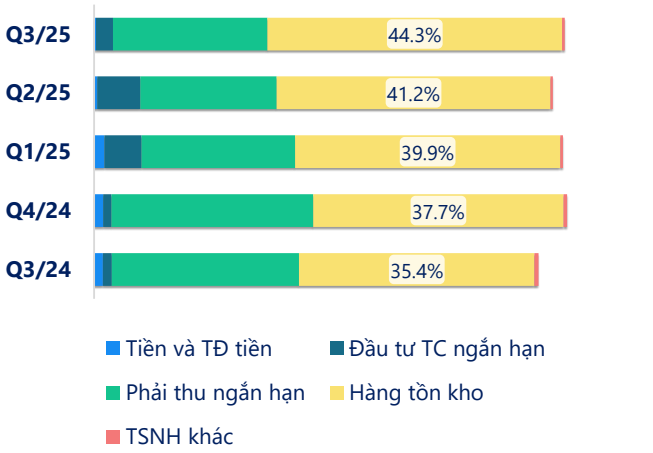

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

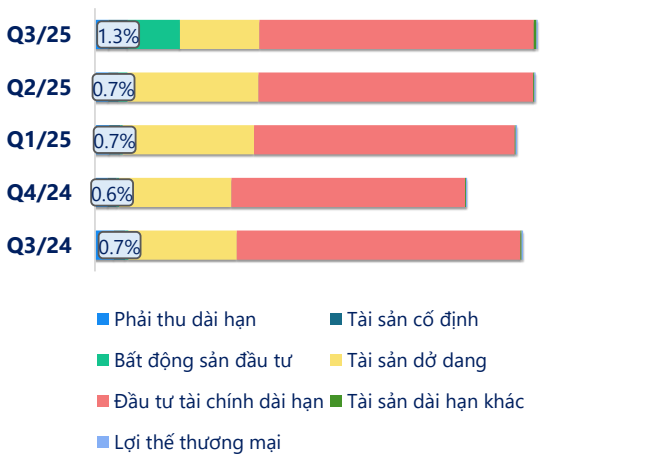

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

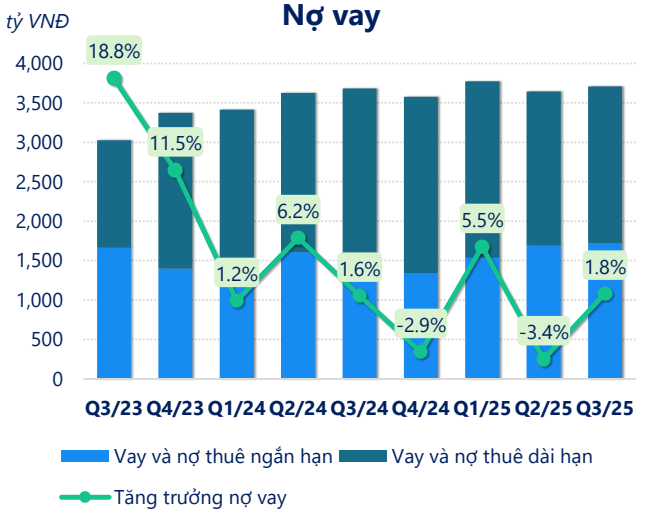

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

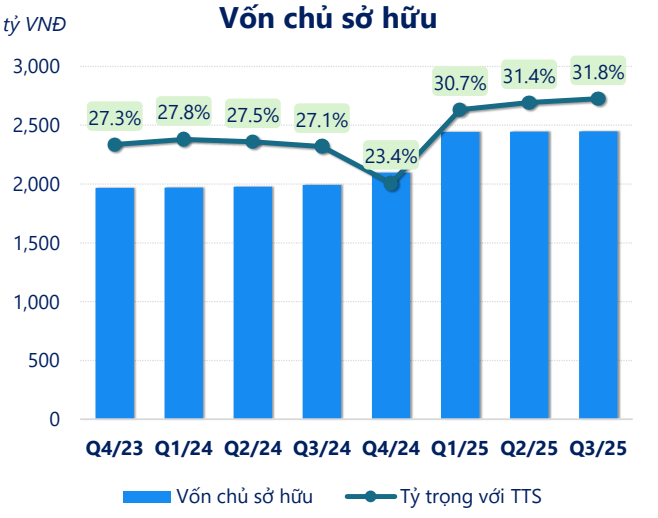

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

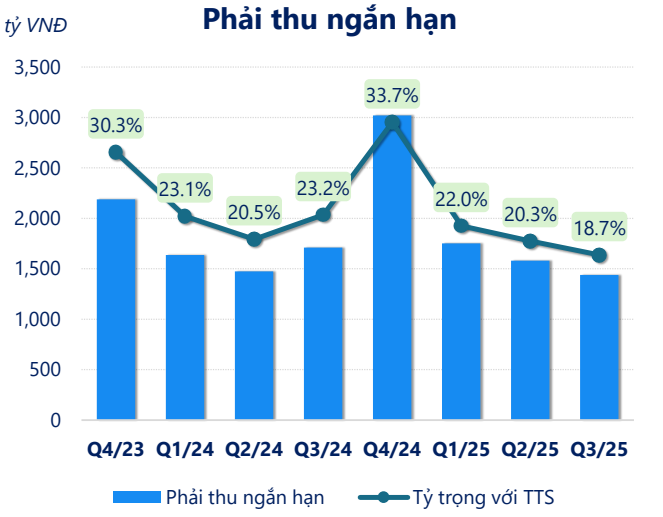

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

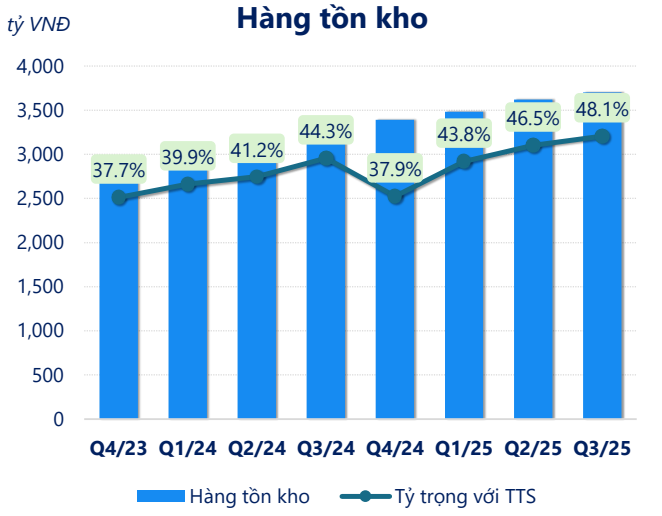

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

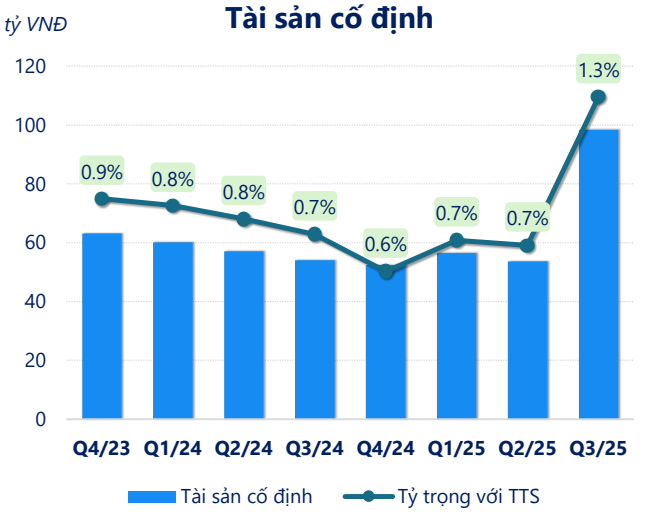

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

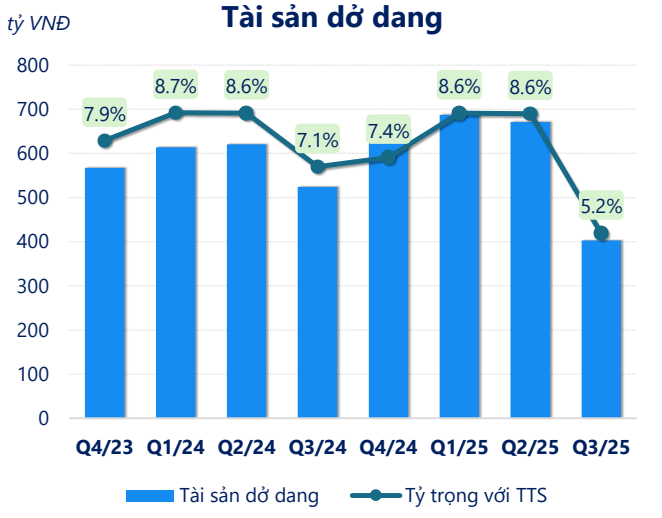

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

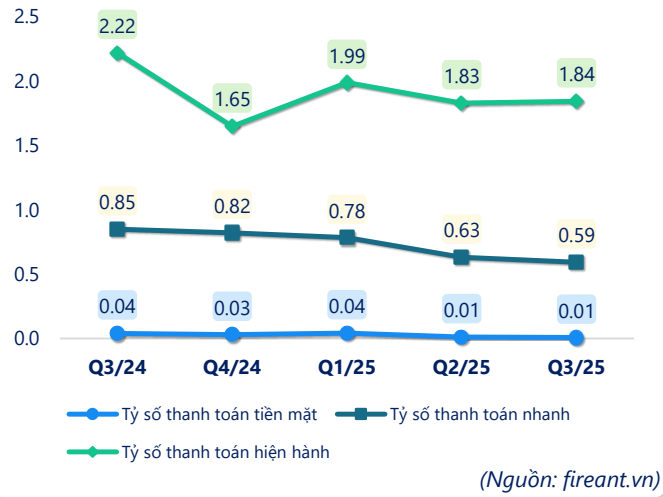

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

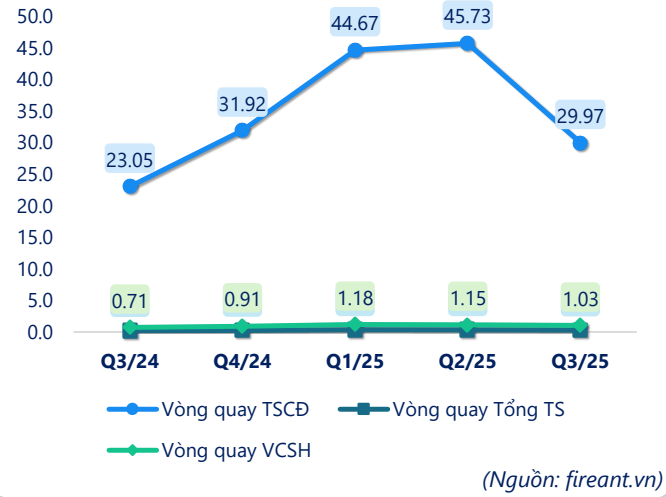

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**7,361**	**8,950**	**7,951**	**7,784**	**7,697**
Tài sản ngắn hạn	**5,286**	**6,757**	**5,742**	**5,526**	**5,454**
Tiền và tương đương tiền	95.4	124	121	34.9	23.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	187	187	325	225	224
Phải thu ngắn hạn	1,711	3,020	1,750	1,580	1,440
Hàng tồn kho	3,263	3,390	3,481	3,621	3,701
Tài sản ngắn hạn khác	28.9	36.2	65.2	65.4	64.6
Tài sản dài hạn	**2,075**	**2,193**	**2,209**	**2,258**	**2,243**
Phải thu dài hạn	92.3	74.8	74.8	68.3	68.3
Tài sản cố định	54.0	52.5	56.4	53.7	98.4
Bất động sản đầu tư	16.3	15.4	14.5	44.6	264
Tài sản dở dang	524	661	687	671	403
Đầu tư tài chính dài hạn	1,375	1,377	1,365	1,408	1,389
Tài sản dài hạn khác	5.34	5.03	4.65	5.29	14.2
Lợi thế thương mại	8.00	7.50	7.00	6.50	6.00
Nợ phải trả	**5,369**	**6,854**	**5,509**	**5,339**	**5,249**
Nợ ngắn hạn	**2,384**	**4,103**	**2,891**	**3,023**	**2,961**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,323	1,342	1,537	1,692	1,724
Phải trả người bán ngắn hạn	247	515	367	358	303
Nợ dài hạn	2,985	2,751	2,617	2,315	2,288
Vay và nợ thuê dài hạn	2,361	2,236	2,237	1,953	1,986
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,992**	**2,095**	**2,443**	**2,445**	**2,448**
Vốn chủ sở hữu	**1,992**	**2,095**	**2,443**	**2,445**	**2,448**
Vốn điều lệ	1,480	1,480	1,480	1,480	1,480
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)